

Số: 110/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 13/7/2017

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Vũ Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đào Thanh Tùng**

2. Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hồng Quang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 và 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 211/2015/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2015 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2017, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **MAI THỊ THU A**

Địa chỉ: Lô A, thôn B, Phường C, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hoài Phong – Văn phòng Luật sư Bảo Hiến – thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Ông **NGUYỄN B**

Địa chỉ: 105 A, phường B, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Hữu T** – sinh năm 1960

Địa chỉ: 51 X, phường Z, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Mai Xuân L** – sinh năm 1956

Địa chỉ: 41C (89) N, phường U, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà **Trần Thị Thanh Y** – sinh năm 1963

Địa chỉ: 70 L, phường D, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà **Nguyễn Thị N**

Địa chỉ: tổ S, thôn B, xã V, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

5. **Ngân hàng E**

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thùy L** – sinh năm 1980

Địa chỉ: 04 đường T, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**Người làm chứng:*

Bà **Nguyễn Nguyễn Linh C** – sinh năm 1965

Địa chỉ: Xã Y, Ninh Hòa, Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 23/3/2015, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Mai Thị Thu A trình bày:

Vào năm 1998, bà và ông Nguyễn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa. Trong thời gian hôn nhân bà và ông B có 03 con chung là Nguyễn Hoàng N – sinh ngày 05/8/1999, Nguyễn Phúc H – sinh ngày 08/6/2001 và Nguyễn Bảo O – sinh ngày 04/8/2004. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, gia đình ổn định cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên từ năm 2009 đến nay bà và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến không còn sự tin tưởng và tôn trọng nhau. Nay tình cảm giữa bà và ông B không còn nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn B để tránh làm ảnh hưởng tới các con và gia đình đôi bên.

Về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phúc H - sinh ngày 08/6/2001 và Nguyễn Bảo O - sinh ngày 04/8/2004, giao con chung Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 05/8/1999 cho ông Sơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Sơn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn B phải thanh toán lại cho bà ½ số tiền và vàng gồm: 1.200.000.000 đồng và 06 lượng vàng SJC mà bà trả nợ trước đó vì bà đã dùng tài sản riêng để thanh toán nợ, gồm:

- Số tiền 900.000.000 đồng và 06 lượng vàng SJC đã trả cho bà Nguyễn Thị N theo giấy “biên nhận tiền và vàng” và “biên nhận vàng” lập ngày 14/11/2014. Để trả khoản nợ này, bà đã thế chấp tài sản riêng để vay Ngân hàng trả cho bà N. Trong số tiền 900.000.000 đồng trả cho bà N, bà có cần trừ 250.000.000 đồng mà ông Nguyễn Hữu T (em ruột bà Nguyễn Thị N) đã mượn trước đó của vợ chồng tôi. Bà không thông báo cho ông B biết việc Tâm cần trừ số tiền này.

- Số tiền nhận nợ còn lại 300.000.000 đồng do ông B đứng vay theo HĐTD số 273 ngày 22/10/2013 mục đích để đầu tư quán cà phê Lam. Bà vay nợ của bà Trần Thị Thanh Y 300.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng vào ngày 09/10/2014.

Bị đơn, ông Nguyễn B trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà A về thời gian kết hôn và con chung. Nay bà A yêu cầu ly hôn, ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà A vì giữa hai người không còn tình cảm, niềm tin và cả sự tôn trọng dành cho nhau.

Về con chung: Ông đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phúc H - sinh ngày 08/6/2001 và Nguyễn Bảo O - sinh ngày 04/8/2004, ông trực tiếp

nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 05/8/1999 và không yêu cầu bà Ngân phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà A về việc buộc ông phải trả lại cho bà ½ số vàng và tiền mà bà đã trả nợ cho bà N trước đó: ông không đồng ý vì giữa ông và bà A không có khoản nợ chung nào với bà N, vì những khoản nợ trên bà A tự vay vì mục đích gì, tự trả lúc nào ông không biết. Còn với khoản nợ 300.000.000 đồng của Ngân hàng E, thì bà A dùng số tiền thu được trong việc kinh doanh quán cà phê Lam để trả nợ cho Ngân hàng vì doanh thu từ quán cà phê đều do bà A quản lý thu chi. Còn số tiền 250.000.000 đồng mà cô A cản trừ nợ của ông Nguyễn Hữu T cho bà Nguyễn Thị N là tiền ông T mượn của vợ chồng tôi nhưng khi trả thì tôi không biết. Tuy nhiên tôi không có yêu cầu gì đối với ông T và cô A.

Bản tự khai ngày 23/11/2016, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng E - bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày: bà A có vay tại Ngân hàng theo HĐTD số 761 ngày 09/10/2014 (vay 01 tỷ đồng) và HĐTD số 123 ngày 13/3/2015 (vay 300.000.000 đồng). Tính đến thời điểm 23/11/2016, bà A và ông B không còn nợ bất cứ khoản vay nào của Ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án. Ngày 23/11/2016, Ngân hàng E có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt.

Bản tự khai ngày 10/5/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hữu T trình bày: Năm 2013 ông có vay của bà A số tiền 250.000.000 đồng và ông đã cản trừ nợ giữa bà A và bà Nguyễn Thị N. Việc cản trừ nợ không có mặt của ông B. Ngoài ra ông không biết gì về việc bà A ông B đã vay tiền của bà N. Ông không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án giữa bà A và ông B. Ngày 10/5/2016, ông T có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt.

Bản tự khai ngày 29/3/2016 và ngày 11/11/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Thanh Y trình bày: Ngày 09/10/2014 bà A có vay của bà số tiền 300.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng E, việc vay nợ ông B không biết. Bà không yêu cầu ông B trả nợ, bà để cho bà A khi nào có tiền sẽ trả cho bà. Ngày 29/3/2016, bà có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt.

Bản tự khai ngày 29/3/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Mai Xuân L trình bày: Ngày 10/10/2014, ông có cho bà A vay 06 lượng vàng SJC để giải quyết việc gia đình. Ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngày 29/3/2016, ông L có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt.

Biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2016, người làm chứng - bà Nguyễn Nguyễn Linh C trình bày: ngày 14/11/2014 bà có mặt tại nhà bà A và nghe bà A bà N và ông T bàn bạc gì đó về chuyện tiền bạc bà không rõ và cũng không hỏi cụ thể việc gì. Khi bà A và bà N nhờ bà ký vào 2 văn bản ngày 14/11/2014 thì bà ký làm chứng và không quan tâm nội dung văn bản. Bà xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng

pháp luật. Việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của bà Ngân về khoản nợ đã trả thì các tài liệu chứng cứ bà A cung cấp không chứng minh được: đó là khoản nợ chung của bà và ông B; và bà đã dùng tài sản riêng của bà để trả khoản nợ đó. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà A buộc ông B phải thanh toán lại cho bà ½ số tiền và vàng gồm 1.200.000.000 đồng và 06 lượng vàng SJC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Hữu T, bà Trần Thị Thanh Y, ông Mai Xuân L, bà Nguyễn Nguyễn Linh C. Đối với bà Nguyễn Thị N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Nhung, tuy nhiên bà thường xuyên không có mặt tại nơi ở nên Tòa án đã phối hợp với đại diện chính quyền địa phương để lập và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nhà bà Nguyễn Thị N cũng như tại trụ sở UBND nơi bà thường trú. Do đó Tòa án có đầy đủ căn cứ để tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án theo thủ tục tố tụng.

Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998, bà A và ông B tự nguyện kết hôn và được UBND phường C - TP. Nha Trang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà A và ông B đều thừa nhận: giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Thực tế bà A ông B đã sống ly thân với nhau khoảng bốn năm, không còn ai quan tâm tới ai, cuộc sống vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa. Ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà A. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà A và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Về nguyện vọng của các con chung: Nguyễn Hoàng O - sinh ngày 05/8/1999 xin được ở với ông B; Nguyễn Phúc H - sinh ngày 08/6/2001 và Nguyễn Bảo N - sinh ngày 04/8/2004 xin được ở với bà A

Xét nguyện vọng của bà Ngân và ông B về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của các con nên giao con chung Nguyễn Phúc H và Nguyễn Bảo N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung

Nguyễn Hoàng O cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: bà A và ông B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản nợ mà nguyên đơn – bà A cho rằng đó là nợ chung của bà và ông Sơn gồm:

- Số tiền 900.000.000 đồng và 06 lượng vàng SJC mà bà A đã trả nợ cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 14/11/2014 là bà dùng tài sản riêng của bà thế chấp để vay Ngân hàng trả nợ cho bà N (Hợp đồng tín dụng số 761 ngày 09/10/2014). Tuy nhiên trong hợp đồng vay thể hiện mục đích vay “thanh toán tiền sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị nhà ở”, không chứng minh được việc bà A đã dùng số tiền vay đó để trả nợ cho bà N. Đồng thời, việc chốt nợ và trả nợ đều không có sự xác nhận của ông B. Trong giấy “biên nhận tiền và vàng ng” và “biên nhận vàng” lập ngày 14/11/2014 xác định bà A là người thiếu nợ bà N và là ười thanh toán toàn bộ công nợ giữa bà A và bà N. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay bà A đều không chứng minh được số tiền và vàng mà bà đã thanh toán nợ cho bà N là khoản nợ chung của vợ chồng.

- Số tiền 300.000.000 đồng bà A trình bày đã vay của bà Trần Thị Thanh Y để trả cho Ngân hàng E (theo hợp đồng tín dụng số 273 ngày 22/10/2013), tuy nhiên việc vay tiền của bà Y, ông B không hề biết. Tại phiên tòa Bà A xác nhận việc thu chi từ lợi nhuận quán cà phê Lam đều do bà A quản lý nên HĐXX thấy rằng việc bà sử dụng tiền từ việc kinh doanh cà phê trả nợ cho Ngân hàng cũng là điều đương nhiên. Đồng thời khi thực hiện hợp đồng vay, bà cũng đồng ý dùng tài sản riêng của mình thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay tức là bà A cũng đã tự nguyện chịu trách nhiệm về khoản vay khi có sự cố xảy ra.

Xét lời trình bày trong bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thùy L, HĐXX thấy rằng việc bà A vay nợ và trả nợ cho Ngân hàng E đều không có sự tham gia của ông B, hiện nay số nợ cũng đã được thanh toán nên việc xác nhận nợ chung giữa bà A và ông B là không có căn cứ.

Xét lời trình bày trong bản tự khai của ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Nguyễn Linh C, HĐXX thấy rằng việc bà A vay tiền và vàng của bà Nguyễn Thị N thì ông T và bà C đều không biết và xác nhận không có sự xác nhận của ông B trong giấy biên nhận tiền và vàng ngày 14/11/2014. Vậy nên bà A cho rằng số tiền và vàng nêu trên là khoản nợ chung của vợ chồng là không có căn cứ.

Như vậy, số tiền vàng gồm 1.200.000.000 đồng và 6 lượng vàng SJC mà bà A đã trả nợ cho bà Nguyễn Thị N là khoản nợ chung của bà và ông B là không có căn cứ nên việc bà A khởi kiện yêu cầu buộc ông B thanh toán lại ½ số tiền vàng là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với số tiền và vàng mà A đã vay của bà Trần Thị Thanh Y và ông Mai Xuân L: bà Y và ông L không có yêu cầu trong vụ án này nên HĐXX không xem xét, trường hợp có yêu cầu giải quyết thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bà Mai Thị Thu A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (giá vàng SJC tại thời điểm xét xử: 36.000.000 đồng/lượng):

$$1.200.000.000 + (36.000.000 \times 6) = 1.416.000.000$$

$$36.000.000 + 3\% \text{ của phần vượt quá } 800.000.000$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 179 ; 228; 229 và Điều 273 Bộ luật tố Tụng Dân sự 2015;

* Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: bà Mai Thị Thu A được ly hôn với ông Nguyễn B.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Phúc O – sinh ngày 08/6/2001 và Nguyễn Bảo H – sinh ngày 04/8/2004 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Hoàng N – sinh ngày 05/8/1999 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà A và ông B; ông bà được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: bà A và ông B không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: bác yêu cầu của bà Mai Thị Thu A về việc buộc ông Nguyễn B phải trả lại ½ số tiền vàng gồm 1.200.000.000 đồng và 6 cây vàng SJC cho bà Ngân.

Án phí: Bà Mai Thị Thu A phải chịu 200.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/0001131 ngày 23/3/2015 và 54.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 26.988.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/0004430 ngày 03/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà A còn phải nộp 27.492.000 án phí Dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Thu A và ông Nguyễn B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Khánh Hòa;
- VKS TP. Nha Trang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

- THA TP Nha Trang;
- UBND p. Phước Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

Nguyễn Vũ Linh